

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI MỚI (ĐỊA LÍ)

I. Giới thiệu

Chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu đến 01 quốc gia tiếp theo trong phần Địa lí các khu vực và quốc gia. Dựa vào những gợi ý bên dưới, em hãy đoán xem, quốc gia sắp học là quốc gia nào¹?



Trong 3 tiết tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu về đất nước này, với các nội dung chính trong tự như đã tìm hiểu ở các quốc gia trước đó:

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ
2. Điều kiện tự nhiên, dân cư xã hội
3. Tình hình phát triển kinh tế, các ngành kinh tế, vùng kinh tế

Các em có thể xem trước hướng dẫn tự học cho từng nội dung ở phần II.

II. Hướng dẫn tự học bài 9 – Nhật Bản

Nhiệm vụ	Tài liệu sử dụng	Sản phẩm
1. Xác định vị trí địa lí và lãnh thổ; Đánh giá vị trí Địa lí của Nhật Bản.	Bản đồ trang 4-5 SGK	Vị trí địa lí của Nhật Bản:..... Đánh giá: thuận lợi..... Khó khăn.....

¹ Đáp án: Nhật Bản

<p>2. Trình bày và đánh giá điều kiện tự nhiên Nhật Bản</p>	<p>Đọc thông tin SGK mục I trang 74-76; xem bản đồ hình 9.2 SGK trang 75;</p>	<p>HS hoàn thành bảng tóm tắt sau:</p> <table border="1" data-bbox="946 247 1414 495"> <thead> <tr> <th data-bbox="946 247 1182 310">Điều kiện</th> <th data-bbox="1182 247 1414 310">Đánh giá</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="946 310 1182 373">Địa hình:.....</td> <td data-bbox="1182 310 1414 373"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="946 373 1182 436">Khí hậu:.....</td> <td data-bbox="1182 373 1414 436"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="946 436 1182 495">Khoáng sản:....</td> <td data-bbox="1182 436 1414 495"></td> </tr> </tbody> </table>	Điều kiện	Đánh giá	Địa hình:.....		Khí hậu:.....		Khoáng sản:....	
Điều kiện	Đánh giá									
Địa hình:.....										
Khí hậu:.....										
Khoáng sản:....										
<p>3. Trình bày đặc điểm dân cư Nhật Bản</p>	<p>Đọc thông tin mục II SGK trang 76 và hiểu biết của bản thân</p>	<p>Điền thông tin thích hợp vào chỗ trống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân:.....(số liệu chứng minh) - Cơ cấu dân số:.....(số liệu chứng minh) - Tỷ lệ gia tăng dân số:..... - Đặc điểm người lao động:..... - Ảnh hưởng của dân số đến Nhật Bản:..... 								
<p>4. Khái quát tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản</p>	<p>Đọc thông tin mục III SGK từ trang 77-78</p>	<p>Tóm tắt bằng sơ đồ các giai đoạn phát triển kinh tế của Nhật Bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1950-1973 - Giai đoạn 1973-1980 - Giai đoạn 1980-1991 - Giai đoạn 1991- nay 								
<p>5. Tìm hiểu các ngành kinh tế Nhật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ 	<p>Đọc thông tin SGK từ trang 79 đến trang 85 kết hợp hiểu biết của bản thân</p>	<p>Tóm tắt các đặc điểm chính của từng ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành tựu phát triển: - Nguyên nhân:..... 								

6. Trình bày 4 vùng kinh tế Nhật Bản	Đọc thông tin SGK trang 83	Gạch dưới những sản phẩm tiêu biểu của từng vùng, giải thích nguyên nhân phát triển.
--------------------------------------	----------------------------	--

III. Lưu ý

Các lớp có nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo thì nhóm tiếp tục hoàn thành, gửi bản hoàn thiện cho GV.

CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI LIÊN BANG NGA

Câu 1. Dãy núi làm ranh giới tự nhiên giữa 2 châu lục Á-Âu trên lãnh thổ LB Nga là dãy

- A.Cáp-ca. B.U-ran.
- C.A-pa-lat. D.Hi-ma-lay-a.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây đúng với phần phía Tây của LB Nga?

- A. Đại bộ phận là đồng bằng và vùng trũng.
- B. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- C. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- D. Có trữ năng thủy điện lớn.

Câu 3. Có địa hình tương đối cao, xen lẫn các đồi thấp, đất màu mỡ là đặc điểm của

- A.Đồng bằng Tây Xi-bia.
- B.Đồng bằng Đông Âu.
- C.Cao nguyên trung Xi-bia.
- D.Núi U-ran.

Câu 4. LB Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A.Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.
- B.Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.
- C.Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
- D.Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây là không đúng với phần phía Đông của LB Nga?

- A. Phần lớn là núi và cao nguyên.
- B. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.
- C. Có trữ năng thủy điện lớn.
- D. Có đồng bằng Đông Âu tương đối cao.

Câu 6. Nga tiếp giáp biển Đen và biển Ca-xpi ở phía nào?

- A. Phía tây.
- B. Phía đông
- C. Phía tây nam
- D. Phía bắc

Câu 7. Hơn 80% lãnh thổ LB Nga nằm trong vành đai khí hậu

- A. Cận cực. B. Ôn đới.
- C. Cận nhiệt. D. Nhiệt đới.

Câu 8. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của LB Nga là

- A. Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên.
- B. Nhiều vùng rộng lớn có khí hậu băng giá hoặc khô hạn.
- C. Hơn 80% lãnh thổ nằm ở vành đai khí hậu lạnh.
- D. Giáp với Bắc Băng Dương.

Câu 9. Đại bộ phận dân cư LB Nga tập trung ở

- A. Phần lãnh thổ thuộc châu Âu.
- B. Phần lãnh thổ thuộc châu Á.
- C. Phần phía Tây.
- D. Phần phía Đông.

Câu 10. Dòng sông làm ranh giới để chia LB Nga làm 2 phần phía Tây và phía Đông là

- A. Sông Ê-nít-xây. B. Sông Von-ga.
- C. Sông Ô-bi. D. Sông Lê-na.

Câu 11. Các loại khoáng sản của LB Nga có trữ lượng lớn đứng đầu thế giới là:

- A. Dầu mỏ, than đá.
- B. Quặng kali, quặng sắt, khí tự nhiên.
- C. Khí tự nhiên, than đá.
- D. Quặng sắt, dầu mỏ.

Câu 12. Tài nguyên khoáng sản của LB Nga thuận lợi để phát triển những ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Năng lượng, luyện kim, hóa chất.
- B. Năng lượng, luyện kim, dệt.
- C. Năng lượng, luyện kim, cơ khí.
- D. Năng lượng, luyện kim, vật liệu xây dựng.

Câu 13. Loại rừng chiếm diện tích lớn ở LB Nga là:

- A. Rừng cận nhiệt.
- B. Rừng mưa nhiệt đới.
- C. Rừng lá kim.
- D. Rừng hỗn hợp ôn đới.

Câu 14. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Nga là một cường quốc khoa học?

- A. Có nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị.
- B. Có nhiều nhà văn hào lớn như A.X.Puskin, M.A. Sô-lô-khốp...
- C. Là quốc gia đứng hàng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản.
- D. Người dân có trình độ học vấn khá cao, tỉ lệ biết chữ 99%.

Câu 15. Biểu hiện cơ bản nhất chứng tỏ LB Nga từng là trụ cột của Liên bang Xô viết là

- A. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về diện tích trong Liên Xô
- B. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về dân số trong Liên Xô.
- C. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về sản lượng các ngành kinh tế trong Liên Xô.
- D. Chiếm tỉ trọng lớn nhất về số vốn đầu tư trong toàn Liên Xô.

Câu 16. Ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất của LB Nga so với Liên Xô cuối thập kỉ 80 thế kỉ XX là

- A.Khai thác khí tự nhiên
- B.Khai thác gỗ, sản xuất giấy và xenlulô.
- C.Khai thác dầu mỏ.
- D.Sản xuất điện.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với tình hình của LB Nga sau khi Liên bang Xô viết tan rã?

- A.Tình hình chính trị, xã hội ổn định.
- B.Tốc độ tăng trưởng GDP âm.
- C.Sản lượng các ngành kinh tế giảm.
- D.Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Câu 18. Một trong những thành tựu quan trọng đạt được về xã hội của LB Nga sau năm 2000 là

- A.Số người di cư đến nước Nga ngày càng đông.
- B.Gia tăng dân số nhanh.
- C.Đời sống nhân dân đã được cải thiện.
- D.Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 19. Việt Nam và LB Nga có sự hợp tác với nhau về ngành nào sau đây ?

- A.Khai thác dầu khí và thủy điện.
- B.Dệt may và sản xuất ô tô.
- C.Đóng tàu và dệt may.
- D. Khai thác gỗ và thủy điện.

Câu 20. Ý nào sau đây là điều kiện thuận lợi nhất trong sản xuất nông nghiệp của LB Nga?

- A.Quỹ đất nông nghiệp lớn.
- B.Khí hậu phân hoá đa dạng.
- C.Giáp nhiều biển và đại dương.
- D.Có nhiều sông, hồ lớn.

Câu 21. Ý nào sau đây không đúng với cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của LB Nga?

- A.Có đủ các loại hình giao thông.

- B. Có hệ thống đường sắt xuyên Xi-bia.
- C. Giao thông vận tải đường thủy hầu như không phát triển được.
- D. Nhiều hệ thống đường được nâng cấp, mở rộng.

Câu 22. Ý nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của LB Nga?

- A. Giá trị xuất khẩu luôn cân bằng với giá trị nhập khẩu.
- B. Hàng xuất khẩu chính là thủy sản, hàng công nghiệp nhẹ.
- C. Hàng nhập khẩu chính là dầu mỏ, khí đốt.
- D. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng.

Câu 23. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của Nga là:

- A. Mát-xcơ-va và Vôn-ga-grát.
- B. Xanh Pê-téc-bua và Vôn-ga-grát
- C. Vôn-ga-grát và Nô-vô-xi-biéc.
- D. Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.

Câu 24. Các cây trồng chính của LB Nga là:

- A. Lúa mì, củ cải đường.
- B. Lúa gạo, hướng dương.
- C. Củ cải đường, lúa gạo.
- D. Lúa mì, chè.

Câu 25. Lúa mì được phân bố chủ yếu ở

- A. Các đồng bằng lớn và đồng bằng ven đại dương.
- B. Đồng bằng Đông Âu và phía nam của đồng bằng Tây Xi-bia.
- C. Đồng bằng Tây Xi-bia và cao nguyên Trung Xi-bia.
- D. Đồng bằng Đông Âu và hạ lưu các con sông lớn.

Câu 26. Củ cải đường được trồng ở

- A. phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia.
- B. Ven Thái Bình Dương.
- C. Phía tây đồng bằng Đông Âu.
- D. Ven Bắc Băng Dương.

Câu 27. Các vật nuôi chính của LB Nga là:

- A. Bò, cừu, trâu.
- B. Bò, lợn, dê.
- C. Bò, cừu, lợn.
- D. Bò, trâu, ngựa.

Câu 28. Bò phân bố chủ yếu ở:

- A. Đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia.
- B. Đồng bằng Đông Âu và phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia.
- C. Phía bắc đồng bằng Đông Âu và phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia.
- D. Đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, đồng bằng ven Thái Bình Dương.

Câu 29. Lãnh thổ nước Liên bang Nga có diện tích là

- A. 11,7 triệu km².
- B. 17,1 triệu km².
- C. 12,7 triệu km².
- D. 17,2 triệu km².

Câu 30. Từ đông sang tây, lãnh thổ nước Nga trải ra trên

- A. 8 múi giờ.
- B. 9 múi giờ.
- C. 10 múi giờ.
- D. 11 múi giờ.

Câu 31. Lợn được nuôi chủ yếu ở

- A. Đồng bằng Tây Xi-bi-a.
- B. Đồng bằng Đông Âu.
- C. Cao nguyên Trung Xi-bia.
- D. Khu vực dọc biên giới.

Câu 32. Cừu được nuôi chủ yếu ở

- A. Dọc theo đường vĩ tuyến 60°B.

B. Các đồng bằng ven Bắc Bắng Dương và Thái Bình Dương.

C. Phía nam đồng bằng Đông Âu, phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia, phía tây cao nguyên Trung Xi-bia.

D. Phía nam đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia, phía nam cao nguyên Trung Xi-bia.

Câu 33. Liên bang Nga không giáp với

A. Biên Ban Tích.

B. Biên Đen.

C. Biên Địa Trung Hải.

D. Biên Caxpi.